

Bản án số: 42/2026/HSST
Ngày 17/3/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Chát và bà Phạm Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Kim Anh, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Như Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 17/3/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình; xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 22/2026/TLST-HS ngày 10/02/2026, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2026/QĐXXST-HS ngày 28/02/2026 đối với bị cáo:

Đinh Văn H sinh năm 1991; tại phường Đ, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú tổ dân phố P, phường Đ, tỉnh Ninh Bình; số căn cước công dân số 0370910044xx ngày cấp 15/9/2021 nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn H1 và bà Lê Thị T; vợ con chưa có. Tiền án không; tiền sự ngày 21/11/2020 bị Ủy ban nhân dân xã K (cũ) xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi “Xâm hại sức khỏe người khác” Hiệu chưa chấp hành. Lịch sử bản thân ngày 14/4/2011 bị Công an huyện Y (cũ) xử phạt 700.000 đồng về hành vi “Cố ý gây thương tích”; ngày 29/3/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh (cũ) xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 14/6/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh (cũ) xử phạt 06 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 03/10/2013 bị Công an huyện Y (cũ) xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”; ngày 28/11/2013 bị Công an huyện Y (cũ) có Công văn đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục; ngày 03/11/2021 bị Ủy ban nhân dân xã K (cũ) ra Quyết định áp dụng giáo dục tại xã phường, đã chấp hành xong vào ngày 03/02/2021. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/11/2025 chuyển tạm giam từ ngày 06/12/2025 cho đến nay tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh N; có mặt.

Người bị hại: Ông Lê Văn C sinh năm 1961; nơi thường trú phố B Đ, phường H, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện nay tổ dân phố T, phường Đ, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị T1, sinh năm 1962; nơi cư trú tổ dân phố V, phường Đ, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Ông Đinh Văn H1, sinh năm 1967; nơi cư trú tổ dân phố P, phường Đ, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đinh Văn H biết gia đình ông C có trang trại nuôi chó ở tổ dân phố T, phường Đ, tỉnh Ninh Bình có nhiều sơ hở nên ngày 23/11/2025 và ngày 24/11/2025 H đã lén lút vào trang trại chó của ông C bắt và chiếm đoạt chó của ông C, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Sáng ngày 23/11/2025 Hiệu chuẩn bị 01 chiếc kìm, 01 cuộn băng dính, 01 vỏ bao (loại bao xác rắn), 01 cần câu rút bằng nhựa cất vào cốp xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH biển kiểm soát 35AE-067.83. Khoảng 11 giờ cùng ngày H điều khiển xe mô tô đến khu vực trang trại nuôi chó của ông C, quan sát thấy không có người trông coi, H dựng xe tại khu vực gần cổng sông C cách trang trại nhà ông C khoảng 100 mét. Sau đó H đi đến vị trí camera được lắp đặt trên đường Đ, sử dụng cần câu kéo mắt camera xuống phía đường để tránh bị ghi hình rồi quay lại nơi để xe mô tô lấy các công cụ đã chuẩn bị trước đó ở trong cốp xe mô tô và đi đến khu vực nuôi chó. Hiệu cầm kìm cắt phần lưới thép B40 của tường bao tạo thành lỗ hờ kích thước (0,6x0,8) mét. Sau đó H trèo vào bên trong khu vực chuồng chó, rồi dùng tay và miệng phát ra tiếng gọi đàn chó tiến gần lại mình. Khi đàn chó tiến đến gần, H bắt 01 con chó đen mang ra ngoài dùng cuộn băng dính quấn miệng chó lại để chó không phát ra tiếng kêu rồi bỏ vào trong bao rồi quay lại bắt thêm 01 con chó đen bằng cách thức tương tự như trên bỏ vào bao. Sau khi bắt được 02 con chó, H buộc miệng bao lại bê ra lấy xe mô tô đặt bao đựng chó lên khu vực để chân phía trước của xe mô tô, rồi điều khiển xe mô tô chở 02 con chó đến quán thịt chó “L” ở tổ dân phố V, phường Đ, tỉnh Ninh Bình của bà T1 là chủ quán bán 02 con chó Hiệu vừa trộm cắp được. Khi đến quán thấy quán đóng cửa, H sử dụng điện thoại REDMI 12 lắp sim 0968967991 gọi đến số điện thoại 0988146672 của bà T1 in trên biển quán và nói với bà T1 có 02 con chó muốn bán và bảo bà T1 mở cửa. Khi bà T1 mở cửa Hiệu xách bao đựng 02 con chó đen vừa trộm cắp được vào bên trong khu vực bếp của quán. Bà T1 và H thống nhất mua chó với giá 90.000 đồng/01kg. Hiệu đưa bao đựng chó lên cân được 33,5 kg thành tiền là 2.900.000 đồng. Bà T1 đưa cho H 2.900.000 đồng, H cầm tiền rồi đi về nhà, số tiền này H tiêu xài cá nhân hết. Hai con chó này bà T1 vẫn đang nuôi nhốt trong lồng của quán.

Lần thứ hai: Khoảng 06 giờ 40 phút ngày 24/11/2025 Hiệu điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH biển kiểm soát 35AE-067.83 đến khu vực trang trại nuôi chó của ông C, dựng xe mô tô cách trang trại khoảng 100 mét, quan sát không thấy có người dân qua lại và trong trang trại không có người trông coi. Hiệu chui người qua ô lưới thép B40 đã cắt từ ngày 23/11/2025 để vào bên trong khu vực nuôi chó. Hiệu bắt được 02 con chó cho vào bao, sau đó H lấy xe mô tô chở bao đựng 02 con chó đến quán thịt chó “L” gọi điện cho bà T1 để bán chó. Tại đây H bán cho bà T1 02 con chó có trọng lượng là 33 kg với giá là 90.000 đồng/01kg, sau khi làm tròn bà T1 trả cho Hiệu số tiền 2.900.000. H cầm tiền rồi

đi về nhà tiêu sài cá nhân hết số tiền bán chó. Còn 02 con chó mua của H bà T1 đã giết mổ để phục vụ khách của quán.

Ngày 26/11/2025 sau khi phát hiện bị mất chó ông C đã có đơn trình báo với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh N. Ngày 27/11/2025 nhận thức thấy hành vi trộm cắp của bản thân là vi phạm pháp luật có thể bị phát hiện nên H đến Công an phường Đ đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và giao nộp “01 cuộn băng dính đen; 01 bao (đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động REDMI 12 lắp sim số 0968967991; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125i biển kiểm soát 35AE-067.83”. Ngày 27/11/2025 bà T1 tự nguyện giao nộp “01 con chó đen nặng 15 kg và 01 con chó đen nặng 18,5 kg” là 02 con chó bà T1 mua của H vào ngày 23/11/2025.

Kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTS ngày 05/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự phường Đ kết luận: 01 con chó đen nặng 15 kg thời điểm định giá ngày 23/11/2025 là 1.350.000 đồng, 01 con chó đen nặng 18,5 kg thời điểm định giá ngày 23/11/2025 là 1.665.000 đồng, 02 con chó có tổng cân nặng 33 kg thời điểm định giá ngày 23/11/2025 là 2.970.000 đồng; tổng trị giá là 5.985.000 đồng.

Cáo trạng số 14/CT-VKSYK ngày 22/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình truy tố bị cáo H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát trình bày Luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo H như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đinh Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Đinh Văn H từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 27/11/2025.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà 01 điện thoại di động REDMI 12, riêng sim điện thoại số 0968967991 thì tịch thu tiêu hủy. Tịch thu tiêu hủy 01 cuộn băng dính đen; 01 bao màu xanh, đỏ, trắng.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo H khai khoảng 11 giờ ngày 23/11/2025 H lén lút vào trang trại nuôi chó của ông C bắt và chiếm đoạt 01 con chó nặng 15 kg và 01 con chó đen 18,5 kg. Khoảng 6 giờ 40 phút ngày 24/11/2025 H lén lút vào trang trại nuôi chó của ông C bắt và chiếm đoạt 02 con chó có tổng trọng lượng 33 kg. Nói lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của người bị hại, người liên quan về thời gian, địa điểm, hành vi của bị cáo và tài sản chiếm đoạt, nên có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 11 giờ ngày 23/11/2025 Hiệu lén lút vào trang trại nuôi chó của ông C ở tổ dân phố T, phường Đ bắt và chiếm đoạt 01 con chó nặng 15 kg và 01 con chó nặng 18,5 kg; tổng giá trị 02 con chó là 3.015.000 đồng. Khoảng 6 giờ 40 phút ngày 24/11/2025 Hiệu lén lút vào trang trại nuôi chó của ông C ở tổ dân phố T, phường Đ bắt và chiếm đoạt 02 con chó có tổng cân nặng là 33 kg; tổng giá trị 02 con chó là 2.970.000 đồng. Tổng trị giá 04 con chó mà H đã chiếm đoạt của ông C là 5.985.000 đồng.

Hành vi của bị cáo H là trái pháp luật, đã xâm phạm đến tài sản của người khác; với giá trị tài sản chiếm đoạt của mỗi lần đều trên 2.000.000 đồng, nên hành vi của bị cáo H đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Điều 173 Tội trộm cắp tài sản.

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình truy tố bị cáo H về tội danh và điều luật như Cáo trạng là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo H phạm tội 02 lần đây là tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Về giảm nhẹ “Tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú” theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3] Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội, về nhân thân của bị cáo, giá trị tài sản chiếm đoạt và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, mới có đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội và góp phần đấu tranh phòng ngừa chung. Bị cáo H có 01 tình tiết tăng nặng, nhưng có 03 tình tiết giảm nhẹ; nên giảm nhẹ một phần về hình phạt cho bị cáo tương ứng với số tình tiết giảm nhẹ và mức giảm nhẹ của mỗi tình tiết mà bị cáo được hưởng.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

- 02 con chó Hiệu trộm cắp ngày 23/11/2025 ông C đã nhận lại; đối với 02 con chó Hiệu trộm cắp ngày 24/11/2025 sau khi mua của Hiệu bà T1 đã giết mổ nên không thu giữ được, H đã nhờ mẹ đẻ là bà T bồi thường cho ông C với số tiền là 3.000.000 đồng. Ông C đã nhận đủ tiền và tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết về trách nhiệm dân sự, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Số tiền 2.900.000 đồng bà T1 đã bỏ ra mua chó của H, bà T1 không yêu cầu H trả lại, cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Vật chứng đã thu giữ gồm “02 con chó; 01 xe mô tô Honda SH biển kiểm soát 35AE-067.83; 01 cuộn băng dính; 01 bao; 01 điện thoại di động REDMI 12 lắp sim số 0968967991”.

- Xe mô tô Honda SH biển kiểm soát 35AE-067.83 là tài sản của ông H1 (bố đẻ của H) việc H lấy xe mô tô và sử dụng để đi trộm cắp tài sản ông H1 không biết; nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô cho ông H1.

- Đối với 02 con chó là tài sản của gia đình ông C; Cơ quan điều tra đã trả lại cho gia đình ông C.

- Điện thoại di động REDMI 12 lắp sim thuê bao số 0968967991 là tài sản của H sử dụng vào việc phạm tội, nên tịch thu sung quỹ Nhà nước, riêng sim điện thoại thì tịch thu tiêu hủy.

- 01 cuộn băng dính và 01 chiếc bao, H đã sử dụng vào việc phạm tội; tài sản không còn giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Trong vụ án này bà T1 là người đã mua 04 con chó của H, nhưng bà T1 không biết tài sản do phạm tội mà có. Nên hành vi của bà T1 không có dấu hiệu tội phạm.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng đều không có khiếu nại gì; nên hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng pháp luật. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Về án phí: Bị cáo H bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Đinh Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Đinh Văn H 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 27/11/2025.

2. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động REDMI 12; riêng sim điện thoại số 0968967991 thì tịch thu tiêu hủy.

- Tịch thu tiêu hủy 01 cuộn băng dính; 01 bao màu xanh, đỏ, trắng.

Vật chứng có đặc điểm tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/02/2025 giữa Cơ quan điều tra Công an tỉnh N với Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 - Ninh Bình.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Đinh Văn H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại; người liên quan là bà T1 và anh H1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND Khu vực 4 - Ninh Bình
- Bị cáo, người bị hại, người liên quan
- Chi hành án tỉnh Ninh Bình
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Văn Lực